

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MN TIÊN THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 59/KH-MN

Tiên Thanh, ngày 28 tháng 09 năm 2022

KẾ HOẠCH

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2022- 2025

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ tình hình thực tế trường mầm non Tiên Thanh xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2022- 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nhằm duy trì và phát huy kết quả đạt được, từ đó từng bước thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng – hiệu quả giáo dục của nhà trường trong thời gian tới.

Thực hiện tốt kế hoạch nhằm góp phần quan trọng nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn để phấn đấu đạt trường chuẩn Quốc gia của nhà trường với mục tiêu đảm bảo lộ trình Đánh giá ngoài, kiểm tra trường chuẩn giai đoạn 2022-2025.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên					
Tiêu chí 2.1			X		



Tiêu chí 2.2			x		
Tiêu chí 2.3			x		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1	x				Sân chơi bê tông (chưa đảm bảo)
Tiêu chí 3.2	x				Nhà vệ sinh dành cho trẻ tại 4 phòng học chưa đảm bảo, dãy nhà 2 tầng đang xuống cấp
Tiêu chí 3.3			x		
Tiêu chí 3.4			x		
Tiêu chí 3.5			x		
Tiêu chí 3.6			x		
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1		x	Thực hiện phát triển chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT
Tiêu chí 2		x	Trên 90% GV đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá; 40% đạt mức tốt
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4	x		
Tiêu chí 5	x		
Tiêu chí 6	x		

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Mức 2

1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 2

3. Đánh giá chung

3.1. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các trường trên địa bàn làm tốt công tác phổ cập giáo dục. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục toàn diện ổn định vững chắc. Đạt phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt kế hoạch. Tổ chức hiệu quả ngày toàn dân đưa trẻ đến trường. Chỉ đạo chủ động các hoạt động giáo dục của nhà trường về quản lý tài chính, quản lý hành chính, thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai trong trường học.

Đội ngũ cán bộ, GV, NV chủ động, nhiệt tình tâm huyết, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ. Nhà trường chủ động, tích cực và linh hoạt trong việc quản lý chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm của hoạt động. Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường hoạt động tích cực, cùng nhà trường trong các hoạt động chăm sóc giáo dục. Chỉ đạo chủ động các hoạt động giáo dục của nhà trường về quản lý tài chính, quản lý hành chính. Nhà trường thực hiện tốt các chế độ, chính sách và có biện pháp linh hoạt để hỗ trợ học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ hàng năm đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

3.2. Hạn chế

Một số giáo viên chậm đổi mới, việc ứng dụng các thiết bị dạy học hiện đại chưa thành thạo.

Cơ sở vật chất, các phương tiện hiện đại phục vụ cho dạy học và việc ứng dụng công nghệ chuyển đổi số của nhà trường còn khó khăn, thiết bị chăm sóc, giáo dục trẻ thiếu đồng bộ.

Trường còn thiếu 1 phòng chức năng dành cho trẻ (phòng giáo dục nghệ thuật); thiếu văn phòng, phòng họp chuyên môn và phòng dành cho nhân viên.

3.3. Nguyên nhân của hạn chế

Một số đồng chí giáo viên chuẩn bị đến tuổi nghỉ hưu nên chậm về sử dụng công nghệ trong dạy học. Số đông PHHS còn khó khăn, chưa sử dụng dịch vụ Banking trong thanh toán không dùng tiền mặt...

Do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh, nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất và các thiết bị chăm sóc, giáo dục trẻ cho nhà trường còn khó khăn, chưa kịp thời.

III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Phấn đấu nâng dần chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số. Tham mưu để đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường; Phấn đấu năm học 2023- 2024 trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2, trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

2. Kế hoạch

2.1. Năm học 2022- 2023



Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hàng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý chỉ đạo các hoạt động nhà trường đạt hiệu quả. Tích cực đổi mới công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, tổ chức các hoạt động giáo dục theo nội dung lấy trẻ làm trung tâm của hoạt động. Nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh, tôn trọng sự khác biệt ở trẻ. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ sư phạm, sự linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện chương trình GDMN.

Tu sửa, nâng cấp dãy nhà 2 tầng gồm 4 phòng học, 1 phòng chức năng dành cho trẻ; 1 phòng y tế; 1 phòng hành chính; Nâng cấp sân chơi cho trẻ bằng gạch bloc; Sơn sửa lại khu Hiệu bộ.

2.2. Năm học 2023- 2024 và năm 2025

Tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển chiến lược nhà trường. Tham mưu, đề xuất với UBND huyện Tiên Lãng, các cấp quản lý, các phòng ban chuyên môn của huyện đầu tư nguồn ngân sách để mua sắm trang thiết bị dạy học đồng bộ, kiến tạo môi trường sân vườn xanh- sạch- đẹp đáp ứng yêu cầu đổi mới CSGD trẻ hiện nay.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ CBGV, NV và các chế độ chính sách cho học sinh theo quy định.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về công tác chỉ đạo, tuyên truyền

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường.

Tham mưu với các cấp chính quyền địa phương về công tác đầu tư xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất hướng tới đủ điều kiện trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2, trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

2. Giải pháp cụ thể triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
Tiêu chí 3.1	Nhà trường	500 triệu đồng	Tháng 8/2022	Nhà trường tham mưu, báo cáo, đề xuất với UBND huyện Tiên Lãng và các phòng ban chuyên môn có liên quan về việc lát gạch bloc chống trơn cho trẻ hoạt động và vui chơi

Tiêu chí 3.2	Nhà trường	2 tỷ đồng	Tháng 10/2022	Nhà trường tham mưu, báo cáo, đề xuất với UBND huyện Tiên Lãng và các phòng ban chuyên môn có liên quan về việc tu sửa dãy nhà 2 tầng gồm 4 phòng học và các phòng chức năng, nhà vệ sinh dành cho trẻ theo hướng đạt chuẩn
--------------	------------	-----------	---------------	---

3. Giải pháp về chính sách (nguồn kinh phí)

Nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước

4. Giải pháp kiểm tra, giám sát

Nhà trường thực hiện kiểm tra, giám sát theo từng giai đoạn từ đó đánh giá kết quả thực hiện và có biện pháp tham mưu, báo cáo kịp thời.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. BGH nhà trường

Nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công và giao trách nhiệm cho các thành viên tham gia vào công tác kiểm định chất lượng, đề xuất các giải pháp để cải tiến chất lượng đảm bảo duy trì bền vững.

BGH tiếp tục tuyên truyền, quan triệt sâu rộng trong cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và Phụ huynh học sinh; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể từng tháng, cuối học kỳ, cuối năm học có đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm việc thực hiện.

Chỉ đạo tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện một cách linh hoạt, sáng tạo để đạt kết quả cao nhất.

Công khai việc thực hiện cải tiến chất lượng, định kỳ rà soát đảm bảo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn hoặc vướng mắc cần phản ánh về BGH đề cùng phối hợp giải quyết.

2. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá thực hiện theo các nhiệm vụ được giao.

Tham mưu để thực hiện tốt các tiêu chí chất lượng các tiêu chí đảm bảo duy trì trường chuẩn theo tiêu chí. Phát huy tốt mô hình trường học chuyển đổi số gắn với khởi nghiệp.

3. Các đoàn thể trong nhà trường

Phối kết hợp trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ, duy trì kết quả đã đạt được phát huy có hiệu quả tốt.



4. Giáo viên, nhân viên

Đối với từng cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định việc đổi mới, cải tiến các hoạt động giáo dục để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của mình.

Phối kết hợp tốt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, lĩnh vực tạo chuyển biến của nhà trường.

Triển khai thực hiện tốt xây dựng trường học an toàn, phòng chống dịch bệnh.

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cải tiến chất lượng, phát huy phẩm nhà giáo khắc phục khó khăn thực hiện nhiệm vụ và đổi mới giáo dục. Thúc đẩy xây dựng mô hình trường học hạnh phúc.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ủy ban nhân dân huyện:

Đề nghị UBND huyện Tiên Lãng tiếp tục quan tâm, đẩy nhanh tiến độ đầu tư kinh phí nâng cấp, tu sửa dãy nhà 2 tầng gồm 4 phòng học, nhà vệ sinh và các phòng chức năng dành cho trẻ, lát gạch bloc, tạo sân chơi an toàn theo hướng đạt chuẩn.

Đầu tư thiết bị CSNDGD trẻ theo hướng đồng bộ và đạt chuẩn theo quy định

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Đề nghị Sở GD&ĐT giúp đỡ trong quá trình kiểm tra, tư vấn các điều kiện cơ sở vật chất, chuyên môn và 1 số điều kiện khác

3. Các Sở ban, ngành liên quan

Tham mưu, tư vấn giúp nhà trường nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất, các thiết bị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đồng bộ và đạt tiêu chuẩn

4. Phòng giáo dục và Đào tạo

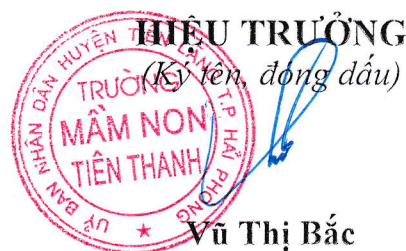
Nhà trường đề nghị phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng tham mưu với UBND huyện giúp đỡ nhà trường về các điều kiện về CSVC, thiết bị. Đồng thời kiểm tra, tư vấn các tiêu chuẩn của nhà trường theo quy định

5. Ủy ban nhân dân xã

Mở rộng diện tích nhà trường theo chuẩn quy định. Hỗ trợ và giúp đỡ nhà trường về việc đầu tư các hạng mục CSVC và các điều kiện cần thiết khác nhằm mục tiêu trường MN Tiên Thanh đạt kiểm định và trường chuẩn Quốc gia mức 2 theo mục tiêu phấn đấu./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT
- UBND huyện;
- Phòng GDĐT huyện;
- Website trường;
- Lưu VT.



THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2022- 2023

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	68/68 trẻ thực hiện tốt chương trình GDMN	282/282 trẻ thực hiện tốt chương trình GDMN
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	97%	97%
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	100%	100%
3	Chất lượng giáo dục trẻ	90%	95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	92%	96%

Tiên Thanh, ngày 28 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Bắc

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022- 2023

T	T	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học (tháng 09/2022)									
			Toàn trường		Nhà trẻ						Mẫu giáo	
			Kết quả đạt được	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		
		Tổng số trẻ đi học	320	100	91,4	0	0	53	95	88	84	
1	Huy động trẻ	Trẻ học nhóm ghép	0	0	0							
		Trẻ học 2 buổi/ngày	320	100	91,4	0	0	53	95	88	84	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
		Trẻ được tổ chức ăn bán trú	320	100	91,4	0	0	53	95	88	84	
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	320	100								
		Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	320	100	91,4	0	0	53	95	88	84	
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	320	100	91,4	0	0	53	95	88	84	
		Trẻ có cân nặng bình thường	306	95,6	98,6%	0	0	50	93	85	78	
		Trẻ có chiều cao bình thường	304	95	97,9%	0	0	49	89	85	81	
		Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	11	3,4		0	0	3	2	3	3	
		Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	16	5		0	0	4	6	3	3	
		Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	11	3,4		0	0	0	0	8	3	
		Trẻ thừa cân	3	1		0	0	0	0	0	3	
Trẻ béo phì	0	0		0	0	0	0	0	0			
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	320	100	100	0	0	53	95	88	84	

		Kết quả thực tế đạt được trong năm học (tháng 09/2022)									
		Toàn trường					Trong đó chia ra				
T	T	Nội dung	Kết quả đạt được		Đánh giá được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
		Trẻ đi học chuyên cần	303	94,69	0	0	0	48	90	84	81
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"									
		Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"									
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN									
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tiên Thanh, ngày 28 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Từ Thị Bắc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022- 2023

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	1,8m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.950	8,5m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.110	3,17m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	54	1,8m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	Dùng chung	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12	0,4m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	10	0,33m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40,8	0,12m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	110m ²	3,1m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	5 bộ/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	30	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Bập bênh		4
2	Cầu gôn bóng đá		2
3	Sân khấu múa rối, kịch		1
4	Bộ đèn báo giao thông		1
5	Bộ đồ chơi cà kheo		15
6	Cầu khí		2
7	Bộ chơi vận động(bước ô, ném bóng lưới)		2

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số lượng(m ²)	
			Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	4	8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
XVI	Nhà bảo vệ	x	

Tiên Thanh, ngày 28 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Bắc

